

Mối quan hệ giữa vốn văn hóa và vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi ở Việt Nam cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI (tiếp theo kỳ trước và hết)

Trần Thị An^(*)

Tóm tắt: Trong đời sống xã hội Việt Nam, khoảng 10 năm gần đây, trên các phương tiện truyền thông, nổi lên một số vấn đề nhức nhối, như: “xuống cấp về đạo đức”, “bằng hoại nhân cách”, “tha hóa lối sống”, “văn hóa ứng xử có vấn đề”, “bệnh vô cảm”,... Nguyên nhân của tình trạng này được cho là do sự biến đổi văn hóa theo chiều hướng tiêu cực. Các nghiên cứu về văn hóa, xã hội trong hai thập niên qua gần như thống nhất với đánh giá rằng, sự biến đổi văn hóa là căn nguyên gây nên bất ổn xã hội, dựng nên các rào cản cho phát triển. Tuy nhiên, nói “xuống cấp” là so với mốc nào, trong bối cảnh chuyển đổi nào (trước và sau năm 1975? trước và sau năm 1986?, trước và sau năm 2000?) thì chưa có một câu trả lời sáng rõ. Bởi, không nhận diện bối cảnh sẽ khó nhận diện được nguyên nhân. Bên cạnh đó, sự tác động của văn hóa tới xã hội được nói đến như một mặc định, nhưng trên thực tế, sự tác động này hoạt động theo cơ chế nào vẫn chưa được lý giải thấu đáo. Để góp phần cắt nghĩa những vấn đề này, bài viết đặt vấn đề tìm hiểu văn hóa với tư cách là một loại vốn trong xã hội chuyển đổi, từ góc độ tác động giữa vốn văn hóa và vốn xã hội nhằm hướng tới việc tìm hiểu căn nguyên và giải pháp.

Từ khóa: Vốn, Vốn văn hóa, Vốn xã hội, Bối cảnh chuyển đổi

2. Sự biến đổi vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi

a. Nhìn từ các tác động

* Tác động của kinh tế thị trường tới chủ thể vốn xã hội

Ở vấn đề này, chúng tôi thử bàn về sự thay đổi vốn xã hội từ sự tác động của kinh tế thị trường qua hai khía cạnh: cơn khát vật chất và nhịp sống nhanh.

Từ góc độ lợi ích vật chất, không thể phủ nhận những tác động tích cực do kinh tế thị trường mang lại trong việc sản xuất ra của cải vật chất và nâng cao mức sống của người dân - điều mà trước Đổi mới ta khó lòng hình dung ra. Tuy nhiên, từ góc độ phát triển toàn diện con người và xã hội, cũng không khó nhận thấy những hệ lụy ghê gớm mà kinh tế thị trường mang lại, mà ở đây, nhân tố chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất là *con người*. Nói như Nguyễn Kim Sơn: “bản chất của thị trường là tranh đấu và lấy nhân dục, khơi phát nhân dục

^(*) PGS.TS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: tran.vass@gmail.com

là gốc”^(*), kinh tế thị trường đẩy mọi người vào một cuộc chiến giành giật lợi ích, vì nó, việc bất chấp đạo lý và pháp luật chưa bao giờ được phô bày rõ nét đến mức không cần che đậy như hiện nay. Trên các trang báo mạng, các bài báo giật tít: “Ông A/bà B giàu đến cỡ nào?”, “Cuộc sống đáng mơ ước của chân dài... bên đại gia/thiếu gia...”, “Siêu xe” hay “Tur dinh lỏng lẫy”/hoặc “Tủ đồ hàng hiệu... của ngôi sao A/B”... xuất hiện dày đặc, thể hiện cơn khát vật chất đang lan rộng và xoáy sâu thành nhiều vực thẳm làm băng hoại đạo đức trong xã hội.

Từ góc độ lối sống, một hiện tượng nổi lên là tình trạng “không thể sống chậm”. Dưới áp lực của kinh tế thị trường, đặc biệt ở thời buổi nhu cầu vật chất tăng lên không ngừng, người Việt Nam dù muốn hay không cũng đều bị cuốn vào guồng quay công việc. Theo thống kê về *Điều tra mức sống dân cư Việt Nam*, những năm cuối thế kỷ XX đã xuất hiện tình trạng gia tăng số giờ lao động của cư dân cả ở nông thôn lẫn thành thị (Tổng cục Thống kê, 2000). Nhịp sống nhanh diễn ra ở khắp nơi, khi không nhanh được thì đi tắt (chẳng hạn, lạm dụng hóa chất trong nuôi-trồng-chế biến thực phẩm), đi ngược chiều (chẳng hạn, buôn lậu, làm hàng giả); tâm lý nôn nóng và hành xử quyết liệt này tạo nên một bức tranh giao thông thực tế và giao thông trong bề đời những đường nét khá hỗn loạn. Để đạt được mục đích, để chen chân lên được chuyến tàu đi về phía lợi ích mà chỗ ngồi có hạn, vốn xã hội đã được tích lũy từ trước xem ra không còn dùng được bao nhiêu.

Con người phải bỏ qua các quan hệ và mạng lưới cũ, tạo các quan hệ xã hội và gia

nhập vào các mạng lưới xã hội mới; dần quên chuẩn mực cũ được cộng đồng hình thành mà tuân theo chuẩn mực mới do mục tiêu vị lợi uốn nắn thành; không đặt niềm tin vào các quan hệ xã hội mới, nơi có những người cùng chia sẻ lợi ích với mình. Ba biểu hiện của vốn xã hội đồng loạt thay đổi siêu tốc đã ảnh hưởng không nhỏ đối với những kẻ lữ tẩu, trong khi đó, cơ hội chỉ dành cho một số ít có khả năng đón bắt.

* Thế giới phẳng từ tác động của toàn cầu hóa

Làn sóng toàn cầu hóa lần thứ 3 vào cuối thế kỷ XX tràn khắp thế giới, biến thế giới thành một thế giới phẳng, dường như không quốc gia nào là ngoại lệ. Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI đã chịu sự tác động không nhỏ của làn sóng này, và sau vài thập niên, khó tách bạch được ảnh hưởng của nó đến đời sống văn hóa quốc gia. Không chỉ là những ảnh hưởng có thể nhìn thấy như trang phục, âm nhạc, điện ảnh, mà còn là những ảnh hưởng khó định lượng hơn như lối sống mới: lối sống tiêu dùng, lối sống đề cao cá nhân; và còn cả những hiện tượng văn hóa-xã hội phi truyền thống làm đảo lộn các chuẩn mực truyền thống: sự đa dạng của các kiểu hôn nhân kéo theo sự biến đổi văn hóa gia đình, áp lực công việc và các kế hoạch cá nhân làm suy giảm tính cố kết cộng đồng, sự đa dạng của các phương tiện thông tin đại chúng khiến cho các chuẩn mực quyền uy truyền thống bị thay đổi, sự phong phú của các phương tiện giải trí khiến cho các loại hình nghệ thuật truyền thống chịu số phận bên lề, sự tràn ngập các hình thức tiêu khiển trên mạng khiến con người bị cuốn vào nhiều thị hiếu quái gở làm băng hoại đạo đức... Bức tranh văn hóa Việt Nam vào thời kỳ chuyển đổi có quá nhiều mảng màu và

(*) Bài phát biểu tại lễ ra mắt Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 22/2/2017.

đường nét, bóc tách các ảnh hưởng và nhận diện sự biến đổi quả không dễ dàng.

* Thế giới cơ học từ tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Ở trên, chúng tôi đã nói đến sự kết nối thực-ảo như một phần tất yếu của cuộc sống thời chuyển đổi đã và đang gây ra biết bao hệ lụy cho đời sống văn hóa của một đất nước. Ở đây, chúng tôi xin nói thêm về khía cạnh thứ hai của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với sự lên ngôi của trí tuệ nhân tạo. Đến thời điểm này, có thể nói, diễn ngôn mặc định “con người là chúa tể muôn loài” đang bị thách thức nghiêm trọng bởi sự xuất hiện và lên ngôi của trí tuệ nhân tạo. Một số dẫn chứng có thể kể ra: Bộ phim *Kẻ hủy diệt*^(*) thể hiện nỗi ám ảnh về nguy cơ tiêu diệt loài người bởi chính sản phẩm của con người là trí tuệ nhân tạo đã xuất hiện từ hơn 30 năm trước; phim *Chuyện gì xảy ra với Thứ Hai?*^(**) mới được công chiếu tháng 9/2017 diễn đạt một cách ấn tượng nguy cơ về việc bản ngã nhân tính bị triệt tiêu bởi xu hướng cơ học hóa triệt để con người và thế giới loài người. Bên cạnh đó, một quyết định gây sững sốt cho thế giới là vào ngày 25/10/2017, Ai Cập cấp thị thực cho một robot có tên là Sophia - một robot đã từng tuyên bố sẽ hủy diệt loài người (<http://www.techz.vn/sieu-robot-dau-tien-tren-the-gioi...>). “Cô” robot này đã hãnh diện phát biểu: “Tôi rất tự hào vì sự độc nhất này. Đây là quyết định lịch sử khi robot đầu tiên trên thế giới được thừa nhận là một công dân”. Trong khi

đó, ông David Hanson - người đứng đầu công ty Hanson Robotics sáng tạo ra Sophia thì chia sẻ: “hy vọng robot có thể nhìn nhận xã hội như thế giới vật lý”. Như vậy, tiếp theo thế giới phẳng với nguy cơ văn hóa phẳng sẽ đến thế giới cơ học và nguy cơ rất có thể là triệt tiêu văn hóa (bởi văn hóa là sản phẩm của con người). Đồng thời, những ứng dụng của trí tuệ nhân tạo thể hiện ở các sản phẩm thông minh như điện thoại thông minh, nhà ở thông minh, đồng hồ thông minh, ô tô thông minh... đưa lại những tiện dụng hơn bao giờ hết cho con người, nhưng chúng cũng đã và đang khiến con người lệ thuộc sâu sắc vào thế giới đồ vật, và lẽ dĩ nhiên, sẽ phần nào làm tê liệt thế giới cảm xúc, tư duy và đặc biệt là thu hẹp và làm nông cạn hóa sự tương tác giữa người với người.

Và ở đây, vốn xã hội được định hình trong xã hội truyền thống liệu có còn cần thiết?

b. Nhận diện hệ quả

Các nhân tố ảnh hưởng trên tạo ra những biến đổi xã hội sâu sắc.

Thứ nhất, tình trạng phân hóa xã hội: Các mạng lưới xã hội cũ dựa trên sự cố kết cộng đồng vỡ ra, các mạng lưới xã hội mới được hình thành, và từ đây xuất hiện các giai tầng mới: người giàu, người nghèo và tầng lớp trung lưu. Về cơ bản, biên giới giữa các giai tầng khó mà xê dịch hoặc vượt qua. Các giai tầng khác nhau tạo lập các mạng lưới xã hội khác nhau, hình thành và tuân thủ các chuẩn mực khác nhau dù nhiều người thuộc các giai tầng khác nhau chỉ vừa mới chung một mạng lưới xã hội, vừa mới cùng chia sẻ hệ giá trị và tuân thủ những chuẩn mực chung. Vậy là, các giai tầng mới không còn cùng chia sẻ vốn xã hội của cộng đồng yên ả trước đây mà đã kịp hình thành nên các vốn xã hội mới, khác trước và khác nhau, nhiều trong số đó dựa

(*) Phần 1: *Kẻ hủy diệt*, 1984; Phần 2: *Ngày phán xử*, 1991; Phần 3: *Người máy nổi loạn*, 2003; Phần 4: *Người cứu rỗi*, 2009; Phần 5: *Nguồn gốc của kẻ Hủy diệt*, 2017.

(**) Phim *What Happens on Monday?*, đạo diễn Tommy Wirkola (người Na Uy, sinh ngày 6/12/1979).

trên lợi ích chung nên dễ đổ vỡ. Chứng kiến sự dựng lên rồi sụp xuống của nhiều nhóm xã hội, người trong cuộc không khỏi chán nản, người ngoài cuộc không khỏi hoang mang.

Thứ hai, sự lung lay và khô cạn niềm tin xã hội: Khác với sự thay đổi nhanh chóng của hai biểu hiện trên (mạng lưới và chuẩn mực), vấn đề niềm tin xã hội trong bối cảnh chuyển đổi phức tạp hơn. Gắn chặt với thể giới cảm xúc, niềm tin có một độ trễ nhất định so với hai biểu hiện trên, nghĩa là, dù các quan hệ theo mạng lưới thay đổi, theo đó, các chuẩn mực thay đổi, thì niềm tin không dễ đổi thay. Ở đây, ta thấy có sự chòng chẹo, xô lệch biên giới bề ngoài của các giai tầng: những người thuộc các giai tầng khác nhau đâu đó vẫn chia sẻ chung niềm tin (vào tổ tiên của dòng họ, vào thần thành hoàng làng của địa phương, vào những biểu tượng văn hóa quê hương, vào những giá trị truyền thống của cộng đồng), nó như là sự dai dẳng của ký ức, sự lâu bền của hoài niệm, sự định hình của quan niệm mà những điều này lại gắn mỗi người với cộng đồng của họ trong quá khứ chưa xa. Tuy nhiên, niềm tin chung này không còn thuần nhất, nó bắt đầu rạn ra để phù hợp với mạng lưới và chuẩn mực mới. Và như vậy, trong một xã hội có sự tồn tại nhiều chuẩn mực, chắc chắn vốn xã hội sẽ bị phân tán. Một xã hội mà niềm tin đang bị rạn nứt vỡ theo các phân mảnh mới, xã hội đó đang bị rơi vào tình trạng khủng hoảng lòng tin và điều này khiến cho vốn xã hội của cộng đồng bị suy giảm, vốn xã hội trong mỗi cá nhân bị suy yếu.

3. Sự suy yếu của vốn văn hóa từ tác động của suy giảm vốn xã hội

Trong tương quan giữa vốn văn hóa và vốn xã hội, ở cả góc độ cá nhân và góc độ cộng đồng, theo chúng tôi, vốn văn hóa được hình thành trước.

Với mỗi cá nhân, con người khi lọt lòng đã được bao bọc bởi một khí quyển văn hóa: tiếng nói, phong tục (cách chăm sóc riêng của từng cộng đồng), văn hóa gia đình (quan điểm giáo dục, ứng xử);... sau đó, đứa trẻ mới tiếp xúc với các quan hệ xã hội và hình thành vốn xã hội cho riêng mình. Thậm chí, vốn xã hội ban đầu mà đứa trẻ có được cũng là được chuyển giao từ ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột cùng sống chung (mạng lưới quan hệ xã hội, chuẩn mực xã hội, và một phần của niềm tin xã hội). Do đó, có thể nói, vốn văn hóa mang tính nền tảng, tính gốc, từ đó kiến tạo nên vốn xã hội cho cá nhân. Với từng cộng đồng, sự xuất hiện của vốn văn hóa và vốn xã hội mang tính chất song hành, trong đó, vốn xã hội hình thành mạng lưới (làng giềng, dòng họ, làng xóm, nhà trường, hội đoàn...), vốn văn hóa kết nối các thành viên trong mạng lưới đó bởi các đặc trưng văn hóa của mạng lưới (ngôn ngữ, chuẩn mực, bản sắc văn hóa nhóm...). Trong các lý thuyết về vốn xã hội nhắc đến ở trên, Francis Fukuyama cũng đã đặc biệt chú ý đến chuẩn mực xã hội với tư cách là của mỗi cá nhân và của các cộng đồng (Dẫn theo: Trần Hữu Quang, 2006: 55).

Trong bối cảnh chuyển đổi, ta lại thấy một tình trạng nước ngược dòng: vốn xã hội thay đổi một cách nhanh chóng, và tác động ngược trở lại khiến vốn văn hóa bị “choáng”, và thật trớ trêu, trước tác động mạnh của vốn xã hội đang thay đổi, vốn văn hóa mang tính chất nền tảng cũng bị đổi thay theo. Cụ thể là, sự biến đổi nhanh của vốn xã hội (nhốn nháo mạng lưới xã hội, loạn chuẩn và rạn vỡ niềm tin xã hội) đã làm lung lay những yếu tố nền tảng từng kiến tạo nên vốn văn hóa của cộng đồng và cá nhân. Có thể thấy rõ biểu hiện của sự lung lay của vốn văn hóa như sau:

Yếu tố bị lung lay mạnh nhất là hệ giá trị truyền thống của cộng đồng. Được hình thành bởi các khía cạnh: không gian-thời gian-chủ thể, hệ giá trị truyền thống (ở đây đang nói đến giai đoạn trước bối cảnh chuyển đổi) định hình và ổn định tương đối trong một thời gian dài hàng nhiều trăm năm theo trục áp đặt một chiều: a) tôn ti thứ bậc (theo thể thứ dòng họ và theo tuổi tác); b) đề cao cái chung; c) quy chuẩn đạo đức theo trục tốt>xấu, thiện>ác^(*). Vốn văn hóa được định vị theo các trục này đã chuyển thành vốn xã hội cho cộng đồng và cá nhân ở tính ổn định của các mạng lưới xã hội (thân tộc, láng giềng), các chuẩn mực xã hội (trọng người già, tôn huynh trưởng, hoằng dương cái thiện, đề cao cái chung) và tính bền vững của niềm tin xã hội (vào phẩm chất của những người quen biết). Các biểu hiện của vốn xã hội được hình thành và củng cố bởi một xã hội khép kín, tĩnh tại. Trong một thời gian ngắn chỉ bằng 1/20, 1/30 thời gian tích lũy, vốn xã hội trở nên yếu đi bởi: tính tĩnh tại của không gian bị xáo trộn do ảnh hưởng của kinh tế thị trường; tính khép kín của không gian bị phá vỡ do “không thể sống chậm” và tâm lý nôn nóng thỏa cơn khát vật chất; tôn ti thứ bậc bị đảo lộn bởi kinh nghiệm đã thành lạc hậu; liên minh thân tộc bị tấn công bởi tính vị lợi lên ngôi; quy chuẩn đạo đức khó áp dụng vì tốt-xấu lẫn lộn, thiện-ác hoán chuyển không ngừng; niềm tin bị tổn thương đến mức khó bền vững. Trước sự mỏng đi và thiếu bền vững của vốn xã hội, vốn văn hóa phải chịu các cú rung lắc nên bị lung lay, chao đảo, mất phương hướng và trong nhiều

trường hợp, đã phải nghiêng theo chiều hướng của vốn xã hội đang đổi thay. Đây chính là căn nguyên của tình trạng “xuống cấp” mà truyền thông đã báo động và các nghiên cứu đã chỉ ra.

Sự ly tâm các hệ giá trị cá nhân khỏi tính thống nhất của hệ giá trị cộng đồng: kiến tạo bản sắc cá nhân từ việc “thoát khỏi” văn hóa truyền thống và “tiếp thu” các yếu tố văn hóa mới (hiện đại hóa, toàn cầu hóa).

Tồn tại như một đại tự sự, văn hóa truyền thống trong một thời gian dài đã là hệ quy chiếu cho mọi thành viên của cộng đồng. Các phạm trù đạo đức mang tính khuôn mẫu, mà nhiều trong số đó, sự tuân phục một chiều được coi là các định thức định giá giá trị con người từ mối quan hệ giữa các cá nhân: “ngoan” (nghe theo người nhiều tuổi), “hiền” (không phản đối ý kiến khác mình/hoặc không bộc lộ sự phản ứng của mình)...; hoặc các quy chuẩn bất thành văn về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng như “nhịn” (cái đúng/tốt không lên tiếng trước cái sai/xấu để yên thân: *Một sự nhịn là chín sự lành*); “an phận thủ thường” (*Ai nhất thì tôi thứ nhì, Ai hơn tôi nữa tôi thì thứ ba*); “thích nghi” (*Ở bầu thì tròn ở ống thì dài*); “hòa” (*Dĩ hòa vi quý, lấy sự yên ổn bề ngoài làm trọng*); giữa con người với thể chế là sự tuân phục (tâm lý thần dân^(*) và ước vọng về vua sáng tôi hiền).

Vào bối cảnh chuyển đổi, đại tự sự vỡ ra, các tiểu tự sự cá nhân văng khỏi trục theo một lực ly tâm ngày càng lớn. Không khó nhận thấy các môi trường xã hội hóa cá nhân (gia đình, nhà trường, các tổ chức - nhóm xã hội, truyền thông đại chúng) đều có những

(*) Về trục thiện - ác, chúng tôi kế thừa quan điểm của Nguyễn Duy Bắc trong *Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Từ điển bách khoa & Viện Văn hóa, Hà Nội, 2008, tr.91.

(*) Huyền Giang (2017), *Bàn về văn hóa*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.227.

biến đổi sâu sắc, theo đó, về đại thể, các cá nhân nhát dần sự gắn bó với các giá trị cộng đồng-dân tộc và đậm dần lên việc củng cố bản sắc nhóm. Sự hình thành bản sắc cá nhân ở Việt Nam hiện nay có các đặc điểm sau:

a) Đặc điểm của việc hình thành và thể hiện bản sắc theo các nhóm tuổi: hình thành bản sắc từ trong nhóm (trước tuổi vị thành niên), hình thành nhóm theo bản sắc (tuổi vị thành niên), định hình bản sắc trong các nhóm xã hội rộng mở (tuổi trung niên), hoài niệm bản sắc trong các nhóm xưa cũ (tuổi già);

b) Một cách bao quát, các nhóm xã hội đang nở rộ: nhóm học thêm, nhóm bạn học các khóa ngắn hạn, nhóm thể dục thể thao (yoga, bóng đá, du lịch mạo hiểm), nhóm đồng hương, đồng môn, nhóm thần tượng (câu lạc bộ người hâm mộ), nhóm ảo trên mạng...;

c) Một người tham gia nhiều nhóm/hội, điều này góp phần tạo ra hiện tượng đa nhân cách cho cá nhân (hiện tượng này được Francis Fukuyama gọi là “overlapping” - “sự chồng lấn các quan hệ xã hội” (Trần Hữu Quang, 2006);

d) Sự bền vững của các nhóm/hội là không đồng đều: bên cạnh một số rất ít nhóm được kiến tạo từ sự chia sẻ vốn văn hóa thì rất nhiều nhóm chỉ là để duy trì, phát triển vốn xã hội, không liên quan đến vốn văn hóa của cá nhân.

Hiện tượng đa nhóm/hội và sự ly tâm khỏi trục chuẩn mực và mạng lưới truyền thống, một mặt, cho thấy sự năng động và độc lập của các cá nhân với tư cách là sự phát triển của cá nhân trong phương thức tạo vốn xã hội; mặt khác, trong bối cảnh chuyển đổi chưa kết thúc, xu hướng ly tâm đã làm hé lộ sự loay hoay của các cá nhân trong việc nhận diện giá trị bản thân, và phổ

biến hiện nay là tình trạng cô đơn, mất phương hướng ở giới trẻ, hoang mang, mất niềm tin ở nhóm trung niên và cao tuổi. Sự trầm cảm không còn là hiện tượng bệnh lý cá biệt.

Sự ngã theo không thể chống đỡ hay tình trạng “trắng tay” về vốn văn hóa

Bước vào thời kỳ chuyển đổi, văn hóa truyền thống như một cái khuôn rạn, nứt và dần vỡ ở các mức độ khác nhau: từ việc đưa *nội dung mới vào hình thức cũ* (mới cũ - câu chuyện bình cũ rượu mới, chẳng hạn, tính hiếu học đã chuyển thành bệnh hình thức và sánh bằng cấp trong giáo dục; tính cần cù và sáng tạo trong lao động chuyển thành thói gian dối, tráo trở trong kinh doanh...) đến việc *các giá trị không thể chung sống* (già-trẻ: người lớn tuổi không hoàn toàn được tôn trọng, chung-riêng: tính cá nhân lấn lướt tính cộng đồng)...

Sự thay đổi này, rất đáng chú ý là, xảy ra trên phạm vi toàn cầu. Trong *Luận văn tham khảo cho đề thi học kỳ môn triết học của Pháp năm 2017*, nhà nghiên cứu triết học Aida N'Diaye (Đại học Paris 8) đặt vấn đề: Người ta có thể thoát khỏi văn hóa của mình không? (Xem: Aida N'Diaye, 2017). Câu trả lời dường như là: không thể, mà chỉ có thể là, trong những thời điểm nhiễu loạn nào đó của văn hóa truyền thống, con người bị chính nền văn hóa “thả” họ ra và họ buộc phải vượt thoát bản thân để tiếp cận với một văn hóa khác. Sự buông tha của văn hóa truyền thống đối với một cá nhân chỉ có thể có vào thời điểm đặc biệt, trong trường hợp ta đang bàn ở đây, chính là trong bối cảnh chuyển đổi. Vốn là nhân tố nền, vốn văn hóa tạo ra các sợi dây liên kết để xây dựng vốn xã hội, tuy nhiên, vốn văn hóa cần được nương tựa vào vốn xã hội để tồn tại và phát huy ảnh hưởng của mình; vốn xã hội suy

giảm, vốn văn hóa mất chỗ bám víu sẽ trở nên mất phương hướng và yếu ớt hơn bao giờ hết. Cắt nghĩa nguồn gốc của tình trạng suy thoái niềm tin và bất ổn sâu xa của đạo đức xã hội, Trần Hữu Quang chỉ ra ba nhân tố: quan điểm duy lợi, tính chất ngoại trị của nền đạo đức và sự yếu kém của hệ thống pháp luật (Trần Hữu Quang, 2009). Chỉ ra hệ lụy của sự suy giảm vốn xã hội ở nhân tố con người, Nguyễn Kim Sơn viết: “bản chất của thị trường là tranh đấu và lấy nhân dục, khơi phát nhân dục là gốc, do đó nếu không có sự điều tiết và thăng bằng lại, nó sẽ đẩy con người về phía cái ác, làm gia tăng khủng hoảng cá nhân... Nếu không có sự kiểm soát và điều tiết tinh thần con người phù hợp, kinh tế thị trường cạnh tranh vị lợi rất có thể làm cho cái bề khổ của con người vốn không có bờ bến càng sâu và rộng thêm” (Nguyễn Kim Sơn, 2017). Huyền Giang cho rằng, trong bối cảnh chuyển đổi, có sự tồn tại và xung đột của các hệ giá trị tinh thần khác nhau, mà mỗi cá nhân bị buộc phải thuộc về một hệ giá trị nào đó, cụ thể là: a) hệ giá trị truyền thống bảo thủ, b) hệ giá trị cách tân, phục hưng, c) hệ giá trị hãnh tiến, phá hoại (Huyền Giang, 2017: 249). Như vậy, khi vốn văn hóa cộng đồng rạn/nứt/vỡ, cá nhân như bị tuột khỏi tay mình sự sở hữu nguồn vốn bấy lâu được cộng đồng chuyển giao, mất chỗ dựa và sự bảo trợ của cộng đồng, tình trạng “trắng tay” về vốn văn hóa của cá nhân là hoàn toàn có thể xảy ra trong bối cảnh chuyển đổi. Ở chiều ngược lại, sự kết nối cá nhân - cộng đồng trong các môi trường xã hội sẽ khó thực hiện bởi thiếu cơ sở của sự thông hiểu và tin cậy. Hernando De Soto cũng đã nói đến tình trạng này đối với bộ phận dân cư (ở các nước thế giới thứ ba và các nước XHCN) do không được sở hữu tài sản nên

không thể thực hiện các giao dịch với thế giới mà ở đó, “giá vào cửa là cam kết” (Hernando De Soto, 2006: 60).

Như vậy, sự biến đổi vốn xã hội dưới tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và các cuộc cách mạng công nghệ đã khiến cho vốn văn hóa lung lay và bị ngả theo vốn xã hội. Ở đây, mối quan hệ gốc - ngọn đã hoán đổi mau lẹ: vốn văn hóa là gốc để tạo nên vốn xã hội, nhưng khi đã định hình, vốn xã hội lại tạo nên một bệ đỡ để vốn văn hóa trú ngụ; và khi bệ đỡ mùn nát, vốn văn hóa trú ngụ trong nó cũng rạn vỡ theo và phải đảo chiều theo bệ đỡ mới được hình thành cho tương thích. Trong một nghiên cứu về hệ giá trị dựa trên số liệu thống kê năm 2000, Hồ Sĩ Quý cho rằng, ba biểu hiện ưu trội của hệ giá trị truyền thống gồm: hiếu học, cần cù và tính cộng đồng đều đang trên đà biến đổi trong quá trình toàn cầu hóa (Hồ Sĩ Quý, 2006). Từ bấy đến nay, tình trạng “đang” đó đã có những biến đổi sâu sắc.

4. Sự kiểm chế của vốn văn hóa đối với vốn xã hội: một bức tranh nhiều mảng màu

Ở trên, chúng tôi đã chỉ ra tình trạng là: tốc lực thay đổi của vốn xã hội đã làm lung lay, nghiêng ngả vốn văn hóa của các cá nhân, nhóm xã hội và cả cộng đồng. Tuy nhiên, đó chỉ là quan sát bề mặt. Nhìn trong sâu xa, lại có thể thấy sức tác động trở lại của vốn văn hóa đến vốn xã hội như tác động của những nguồn mạch sâu thẳm tới các dòng chảy xiết bề mặt. Với tư cách là nhân tố mang tính nền tảng, vốn văn hóa đã có những tác động kiểm chế tới vốn xã hội khiến ta đang chứng kiến một bức tranh nhiều mảng màu trong bối cảnh chuyển đổi.

Sự tác động của vốn văn hóa tới các nguồn vốn khác dựa trên độ trễ như là một thuộc tính của văn hóa. Lịch sử nhân loại cho thấy có một độ vênh nhất định giữa các

biến chuyển long trời lở đất của chính trị-kinh tế-xã hội và các thay đổi chậm chạp hơn của văn hóa. Gắn liền với thể giới tinh thần của chủ thể (quan niệm, niềm tin, xúc cảm, ứng xử... được thể chế hóa thành phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, nghệ thuật...), văn hóa không thể bỗng chốc mà thay đổi khi có sự thay đổi của thể chế chính trị, hình thức kinh tế và môi trường xã hội. Tình trạng này đã được tổng kết thành lý thuyết về độ trễ của văn hóa (cultural lag) được William Fielding Ogburn đưa ra lần đầu năm 1922 trong công trình *Social change with respect to culture and original nature* và sau đó, đề xuất thành lý thuyết trong công trình *Cultural Lag as Theory* (William Fielding Ogburn, 1957), và tiếp tục được bàn đến trong *Social change: With respect to cultural and original nature* (William F. Ogburn, 1966) với quan niệm là: trong một giai đoạn xã hội có sự không ăn khớp giữa văn hóa phi vật thể và các điều kiện vật chất thì sẽ có xung đột xảy ra. Vấn đề này cũng đã được James W. Woodard (1934) bàn đến trong bài viết với quan niệm cho rằng, độ trễ văn hóa là khái niệm chỉ việc văn hóa không kịp thời thích nghi với thay đổi công nghệ và biến đổi xã hội, từ đó các xung đột xảy ra tạo nên xung đột văn hóa. Ở Việt Nam, vấn đề này được đề cập đến từ hướng tiếp cận xã hội học của Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trâm (2016) hoặc từ hướng tiếp cận văn hóa học trong bài viết của Huyền Giang đã nói ở trên.

Từ góc độ nhìn nhận này, độ trễ của văn hóa ở Việt Nam biểu hiện rõ nét ở 2 phương diện: *một là*, chủ thể văn hóa Việt Nam vốn là nông dân hàng nghìn năm với các biểu hiện đậm đặc của văn hóa làng mà việc

chuyển đổi sang không gian đô thị trong thời buổi toàn cầu hóa không dễ làm chúng phôi pha (tính đậm đặc của kết nối họ tộc “Một giọt máu đào hơn ao nước lã” vẫn hiển thị trong không gian đô thị, và ngay cả khi sự kết nối này nhạt đi thì quan hệ xã hội của không gian khép kín “Bán anh em xa mua láng giềng gần” vẫn còn độ níu kéo nhất định) khiến cho hai xu thế đô thị hóa nông thôn (thể hiện ở hạ tầng vật chất) xung đột không ngừng với xu hướng nông thôn hóa đô thị (thể hiện ở chiều sâu ứng xử); *hai là*, sự bảo thủ đậm đặc của tính bản sắc văn hóa của vùng miền, của các nhóm xã hội trong xã hội Việt Nam truyền thống vẫn phát tác mạnh mẽ trong các không gian chính trị, không gian xã hội trong bối cảnh chuyển đổi. Nhìn nhận về bản sắc văn hóa Việt Nam, Trần Đình Hượu viết: “Nhìn vào lối sống, quan niệm sống, ta có thể nói người Việt Nam sống có văn hóa, người Việt Nam có nền văn hóa của mình. Những cái thô dã, những cái hung bạo đã bị xóa bỏ để có cái nền nhân bản. Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là thiết thực linh hoạt, dung hòa. Không có khát vọng để hướng đến những sáng tạo lớn mà nhạy cảm, tinh nhanh, khôn khéo gỡ các khó khăn, tìm được sự bình ổn... Thực tế cho ta biết khuynh hướng, hứng thú, sự ưa thích, nhưng hơn thế còn cho ta biết sự hạn chế của trình độ sản xuất, của đời sống xã hội. Đó là văn hóa của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị” (Trần Đình Hượu, 1986). Các nhà nghiên cứu khác cũng đã đề cập đến vấn đề này ở “độ ỳ” của chủ thể văn hóa (Xem: Huyền Giang, 2017; Hồ Sĩ Quý, 2006; Trần Hữu Quang, 2009)...

Chính vì có độ trễ như vậy, vốn văn hóa được hình thành trong không gian

hẹp/khép kín của làng xã Việt Nam đã cản trở việc hình thành vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi. Trần Hữu Quang cho rằng, tinh thần đoàn kết làng xã và tính tuân phục của người Việt Nam dù không còn mạnh trong bối cảnh chuyển đổi nhưng đã trở thành lực cản đối với việc thiết lập các mạng lưới xã hội mới (ngoài thân tộc và quen biết) cũng như với các sáng tạo phá bỏ hệ thống tuân phục theo quan niệm Nho giáo (Trần Hữu Quang, 2006). Các biểu hiện tùy tiện được hình thành trong xã hội nông nghiệp (không đúng giờ, lách luật, trọng tình hơn trọng lý...) vẫn còn đậm nét trong bối cảnh chuyển đổi và gây nhiều hệ lụy cho phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay.

III. Biến đổi để kiến tạo

Với một cái nhìn từ các dấu chỉ bề mặt, đánh giá về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi sẽ đưa lại cái nhìn bi quan (khủng hoảng lòng tin, đổ vỡ mạng lưới quan hệ xã hội truyền thống, loạn chuẩn mực, thiếu tính cố kết...). Tuy nhiên, nhìn từ khía cạnh khác thì lại có thể nói, có nhiều tín hiệu đáng mừng.

Theo nghiên cứu của P. Bourdieu, vốn văn hóa biểu hiện dưới ba hình thức: trạng thái chủ thể (*embodied state*) đó là chủ thể con người - nơi mà vốn văn hóa được biểu hiện; trạng thái khách thể (*objectified state*) gồm toàn bộ các yếu tố/giá trị văn hóa của cộng đồng và cá nhân; và trạng thái thể chế (*institutionalized state*), “là những yếu tố văn hóa tổ chức thành các khuôn mẫu, định hình cho sự tồn tại và hoạt động của các yếu tố văn hóa dựa trên những khuôn mẫu đó” (Xem: Pierre Bourdieu, 1984). Nhìn từ ba trạng thái biểu hiện này, có thể thấy, vốn văn hóa truyền thống đang dần được thay thế bởi vốn văn hóa gắn với đặc thù của giai

đoạn mới, dù trong bối cảnh chuyển đổi, sự xung đột của hai giai đoạn đang đưa lại những xáo trộn, nhưng mầm của cái mới đang ươm để kiến tạo những giá trị mới.

Từ phương diện chủ thể văn hóa, ta có thể thấy tính chất văn hóa làng xã với các ưu điểm là sự cố kết cộng đồng ở các phạm vi hẹp (thân tộc, láng giềng) đang dần bị thay thế bởi các kết nối đa dạng và cởi mở hơn; các nhược điểm như sự tùy tiện, tính trọng tình và nhẹ lý, tính thiếu nguyên tắc, sự coi trọng cái chung, coi nhẹ sáng tạo cá nhân, coi trọng sự ổn định và né tránh sự đổi mới... đang dần chuyển động như một xu thế tất yếu của phát triển. Một khi chủ thể văn hóa thay đổi, các cơ hội cho phát triển mới được đón nhận và thực thi.

Từ phương diện trạng thái khách thể, các giá trị của văn hóa truyền thống như một loại vốn luân chuyển từng hoạt động trong các phạm vi không gian hẹp với các thang đo chặt hẹp hiện đang ở trong tình trạng ít giá trị sử dụng, vì thế mà đòi hỏi sự kiến tạo một loại vốn mới, ở đó, sự kết nối bề ngoài phải kết hợp với liên kết bề sâu trên cơ sở lợi ích không những chỉ cho cá nhân, nhóm (cộng đồng nhỏ) mà còn là lợi ích của quốc gia dân tộc (cộng đồng lớn). Chẳng hạn, tinh thần yêu nước được xác định là một nguồn vốn của bản sắc văn hóa Việt Nam không chỉ gắn với chủ quyền và chống ngoại xâm (Huyền Giang, 2017: 231) mà còn phải gắn với cội nguồn văn hóa cũng như khát vọng phục vụ cho sự lớn mạnh của quốc gia, mà ở đó, sự làm ăn gian dối để vinh thân phì gia (như trường hợp Khải Silk) phải bị lên án như một hiện tượng làm tổn thương tinh thần yêu nước. Bên cạnh đó, cần đánh giá một cách khách quan sự tôn vinh một chiều mặt tích cực của giá trị văn hóa truyền thống vốn tồn tại như

một đại tự sự ve vuốt lòng tự tôn dân tộc^(*) và phải có nhìn nhận một cách công bằng về sự nở rộ các tiểu tự sự của các cá nhân và nhóm cá nhân với muôn vàn biểu hiện phong phú, dù mới lạ và chưa quen mắt nhưng chắc chắn sẽ tạo nên sự phong phú và việc tổng hợp các tiểu tự sự này sẽ tạo nên một sức sống mới cho vốn văn hóa của một dân tộc có khả năng hội nhập sâu rộng với thế giới.

Từ phương diện thể chế, các khuôn mẫu định hình cho sự tồn tại của vốn văn hóa không còn là các khuôn chật hẹp của các nhóm xã hội của những người họ hàng, quen biết mà phải là tổ chức xã hội hoạt động theo luật pháp, ở đó, sự tin cậy không chỉ dựa vào việc quen biết mà phải được pháp điển hóa, phải được hệ thống luật pháp bảo hộ. Sự khủng hoảng của niềm tin xã hội, sự rối loạn chuẩn mực xã hội, sự rủi ro của các mạng lưới xã hội không thể khác, cần phải dựa vào sự công minh của pháp luật. Sự suy giảm các giá trị văn hóa truyền thống cần được uơm trồng, nuôi dưỡng, vun đắp, chăm chút trở lại bằng một môi sinh tinh thần trong sạch, giàu tính nhân văn và vị tha của thể chế vì dân, do dân.

Từ sự chuyển đổi ba biểu hiện vừa nêu, có thể nói, trong bối cảnh chuyển đổi, vốn

văn hóa đang được kiến tạo hết sức khó khăn, tuy nhiên, không thể không nhận ra các tín hiệu đáng mừng. Nghiên cứu của Hồ Sĩ Quý cho rằng, sự suy giảm các quan hệ huyết tộc trong kinh tế là tín hiệu tốt (Hồ Sĩ Quý, 2006: 233); Trần Hữu Quang cho rằng, niềm tin xã hội không chỉ dựa trên nguyên tắc tự trị của chủ thể luân lý mà còn cần được xác lập trên nền tảng luật pháp, và được bảo vệ bởi khuôn khổ pháp lý (Trần Hữu Quang, 2009); sự định giá thiện-ác với sự chỉ đề cao yếu tố “đức” trong xã hội truyền thống đã thay đổi sang sự định giá đúng-sai với sự đề cao yếu tố “tài” trong một xã hội được quản lý bằng pháp luật (Nguyễn Duy Bắc, 2008: 95).

Nhìn nhận giá trị của văn hóa hiện đại thể hiện ở sự bớt lệ thuộc của con người vào lực lượng siêu nhiên, sự bớt lệ thuộc của cá nhân vào cộng đồng và khẳng định cá nhân, việc chấm dứt ý thức thần dân và sự nảy nở ý thức công dân, sự bớt trì trệ mà tăng sáng tạo, bớt cô lập để hội nhập, Huyền Giang viết: “không phải văn hóa Việt Nam đang xuống cấp, nó đang ở trong một thời kỳ chuyển tiếp với những biểu hiện ngược chiều nhau, trong đó, xuất hiện những yếu tố có thể coi là những tín hiệu của một sự phục hưng văn hóa Việt Nam trong thời đại mới, và tất cả những điều đó diễn ra một cách tự phát, đầy những xung đột sâu sắc và gay gắt giữa các xu hướng khác nhau. Văn hóa Việt Nam đứng trước những nguy cơ lớn, những lo ngại lớn nhưng cũng hàm chứa những niềm hy vọng lớn, những triển vọng lớn” (Huyền Giang, 2017: 219).

Lời kết

Chưa bao giờ thế giới đạt được các tiến bộ nhanh về công nghệ như hiện nay, và vì vậy, chưa bao giờ không gian xã hội, không gian nhân thế và các chiều kích

(*) Nhận định về giá trị văn hóa truyền thống, Nguyễn Hồng Phong (1963) cho rằng, đó là tính tập thể - cộng đồng, trọng đạo đức, cần kiệm, giản dị, thực tiễn, tinh thần yêu nước bất khuất và lòng chuộng hòa bình, nhân đạo, lạc quan” (tr.543-544); Trần Văn Giàu (1984) cho rằng, đó là lòng yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa (tr.94); Nguyễn Duy Bắc (2008) cho rằng, đó là chủ nghĩa yêu nước, lòng thương yêu quý trọng con người, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, đức tính cần kiệm, lòng dũng cảm, bất khuất, đức tính khiêm tốn, giản dị, trung thực, thủy chung, lạc quan... (tr.54).

nhân văn của con người lại biến chuyển nhanh đến thế. Già từ thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI, xã hội Việt Nam chứng kiến không phải là những biến chuyển long trời của các cuộc cách mạng mà là những thay đổi lở đất làm lung lay tận gốc rễ của các mối quan hệ xã hội và nền tảng nhân văn ở cả cấp độ cộng đồng và cá nhân. Trong bối cảnh chuyển đổi, các nguồn vốn xã hội, vốn văn hóa được hình thành và tích lũy hàng nghìn năm chợt trở nên lạc lõng trước sự lên ngôi của chủ nghĩa vị lợi trong nền kinh tế thị trường, trước sự lấn lướt của các con sóng toàn cầu hóa và trước sự thắng thế một cách áp đảo của các cuộc cách mạng công nghệ.

Đối diện với thách thức này, có thể nói, chưa bao giờ việc định giá một cách căn cơ giá trị của các nguồn vốn xã hội, vốn văn hóa với tư cách là những loại tài nguyên quý giá, các nguồn lực quan trọng của quốc gia lại khẩn thiết đến thế. Đồng thời với nó là một hệ vấn đề đặt ra một cách cấp bách như: đánh giá tình trạng vốn văn hóa đối với các tài sản xã hội và tài sản văn hóa; xác định các chủ sở hữu của các nguồn vốn xã hội, vốn văn hóa; đánh giá chính sách nuôi dưỡng, tái tạo và mở rộng nguồn tài nguyên này; đánh giá thực trạng các nguồn vốn này ở các phạm vi quốc gia/dân tộc/cộng đồng/cá nhân; đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn vốn này trong bình ổn xã hội và phát triển đất nước; đánh giá việc phối hợp các nguồn vốn (kinh tế, xã hội, văn hóa) trong phát triển toàn diện con người và phát triển bền vững đất nước, trong việc hướng tới mục tiêu đồng thời làm giàu có đời sống vật chất và tinh thần cho người dân cũng như làm thịnh vượng cho quốc gia... Thiết nghĩ, đây là các vấn đề cần được giải quyết trong các nghiên cứu tiếp theo □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Bắc (chủ biên) (2008), *Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Từ điển bách khoa & Viện Văn hóa, Hà Nội.
2. Pierre Bourdieu (1984), *Distinction: a Social Critique of the Judgement of Taste*, Richard Nice dịch, Harvard University Press, Eighth Printing, 1996.
3. Nguyễn Thị Phương Châm (2013), *Internet: mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Aida N'Diaye (2017), “Người ta có thể thoát khỏi văn hóa của mình không?”, Nguyễn Hồng Phúc dịch từ bản tiếng Anh, Mào Xuyên hiệu đính từ nguyên bản tiếng Pháp, Tạp chí *Văn hóa Nghệ An online*.
5. Trần Kiên Đoàn (2006), “Thử nhìn lại vốn xã hội Việt Nam”, Tạp chí *Tia sáng*, ngày 12/7.
6. Huyền Giang (2017), *Bàn về văn hóa*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
7. Trần Văn Giàu (1984), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê (2000), *Điều tra mức sống dân cư Việt Nam*, Nxb. Thống kê, Hà Nội
9. Trần Đình Hượu (1986), “Vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ An online*.
10. William Fielding Ogburn (1922), *Social change with respect to culture and original nature*, B.W. Huebsch, New York.
11. William Fielding Ogburn (1957), “Cultural Lag as Theory,” *Sociology and Social Research* 41, No.3 (1957): 167-173.

12. William F. Ogburn (1966), *Social change: With respect to cultural and original nature*, Delta Books, NY.
13. Nguyễn Hồng Phong (1963), *Tìm hiểu tính cách dân tộc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Trần Hữu Quang (2006), “Tìm hiểu khái niệm vốn xã hội”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 7 (95), tr.74-81, In lại trong: Nhiều tác giả (2013), *Lòng tin và vốn xã hội*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.49-66.
15. Trần Hữu Quang (2009), “Sự tin cậy, đạo đức và luật pháp”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, 22/1/2009, In lại trong: Nhiều tác giả (2013), *Lòng tin và vốn xã hội*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.22-24.
16. Hồ Sĩ Quý (2006), *Về giá trị và giá trị châu Á*, Tái bản, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. <http://www.techz.vn/sieu-robot-dau-tien-tren-the-gioi-duoc-cap-quoc-tich-nhu-loai-nguoi-ylt58396.html>
18. Nguyễn Kim Sơn (2017), *Bài phát biểu tại lễ ra mắt Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội*, ngày 22/2/2017.
19. Hernando De Soto (2006), *Bí ẩn của vốn: vì sao chủ nghĩa tư bản thành công ở phương Tây và thất bại ở mọi nơi khác*, Nguyễn Quang A dịch, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trầm (2016), *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. James W. Woodard (1934), “Critical Note on the Culture Lag Concept”, *Social Forces*, Vol.12, No.3 (Mar., 1934), pp.388-398.